

BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO VÀ VIỆC LÀM Ở NÔNG THÔN AN GIANG

PTS. VƯƠNG CƯỜNG
Học viện chính trị quốc gia HCM

1. Sự phân hóa giàu nghèo

Khi bước vào kinh tế thị trường (1988) An Giang có tổng sản lượng lương thực bình quân giai đoạn 1981-1987 là 700.000 tấn. Tuyệt đại lao động nông thôn An Giang là lao động nông nghiệp (chiếm 82%). Nhân dân An Giang sống chủ yếu bằng nghề nông (chiếm 83%). Ngành nghề chậm phát triển, thiếu phương hướng khắc phục.

Từ điểm xuất phát đó, đến nay (1994), cơ cấu thu nhập của nông dân An Giang đã có sự thay đổi đáng chú ý.

	1991	1992	1993
1. Thu từ sản xuất nông nghiệp (%)	63,1	60,9	60,2
Trong đó:			
- Trồng trọt	58,9	54,4	53,6
- Chăn nuôi	4,2	6,5	6,6
2. Thu từ nghề phụ (%)	29,6	36,4	38,1
3. Thu khác (%)	7,3	7,7	8,7

Thu nhập từ ngành nghề và thu ngoài nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao, xấp xỉ 50% (Trong khi đó, ở phần lớn các tỉnh, tỷ lệ này chỉ đạt hơn 30%). Các nguồn thu từ nông nghiệp giảm xuống và thu từ ngành nghề khác tăng lên trong cơ cấu thu nhập của nông dân.

Tuy vậy, nhìn tổng thể nông dân An Giang vẫn còn rất nghèo.

Cơ cấu các khoản chi, qua 3 năm: 1991, 1992, 1993 đơn vị % như sau:

	1991	1992	1993
Ăn	69,4	67,8	67,1
Mặc	7,4	7,7	7,9
Ở	12,1	12,0	11,9
Học hành	1,1	1,2	1,4
Đi lại	2,3	2,4	2,5
Chữa bệnh	4,1	4,8	4,7

Nông dân An Giang chi cho ăn chiếm tỷ lệ cao, chi cho học hành với tỷ lệ rất thấp (chỉ hơn 1%). Khi tham khảo một trong những bài học thành công hàng đầu của các con rồng Châu Á là thành công của sự phát triển giáo dục. Nhân lực được đào tạo tốt, đón được xu hướng phát triển tương lai, phải chăng vì vậy mà Hàn Quốc rút ngắn thời gian phát triển đến kỷ lục, chỉ hai mươi năm.

30 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Một chỉ số quan trọng nữa để xác định mức sống của nông dân An Giang là nhà ở. Bình quân và cơ cấu nhà ở trong ba năm 91, 92, 93 như sau:

	1991	1992	1993
1. Bình quân diện tích nhà ở (m ²):	6,9	7,4	7,0
2. Cơ cấu nhà ở (%)			
Loại 1 (tường dúc, mái ngói)	10,8	11,0	10,5
Loại 2 (vách cây, mái tôn ngói)	33,1	30,0	29,5
Loại 3 (tranh tre, lá)	36,1	35,7	35,5

Nhà bán kiên cố chiếm tỷ lệ gần 90%, nhà kiên cố chỉ chiếm 10,5%. Hai chỉ tiêu quan trọng nhất là ăn và ở để đánh giá mức sống của nông dân An Giang đều thấp. Nằm trong tình trạng chung của nền kinh tế thị trường, nông dân An Giang còn chịu sự phân hóa giàu - nghèo gay gắt. Qua khảo sát 3 năm (1991, 1992, 1993) tỷ lệ đó (tính theo %) như sau:

	1991	1992	1993
- Nghèo	9,5	9,0	8,5
- Trung bình	27,2	26,4	24,0
- TB khá + khá	50,4	50,3	52,0
- Giàu	12,9	14,3	15,5

Sự chênh lệch giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất là 200 lần. Vậy là, càng tiến sâu vào kinh tế thị trường, mặc dù có nhiều giải pháp kinh tế hữu hiệu của tỉnh, sự phân hóa giàu nghèo vẫn diễn ra gay gắt. Tỷ lệ chênh lệch giàu - nghèo có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên, nhóm nông dân giàu và nhóm nông dân nghèo chiếm tỷ lệ không lớn trong dân cư.

2. Việc làm cho người lao động

Với cơ chế thị trường, việc làm mang tính hình thức bị loại bỏ dần và cùng với nó, chất lượng lao động ngày một được đề cao.

Nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh phải đóng cửa do không chuyển đổi kịp với yêu cầu của cơ chế thị trường. Lực lượng lao động dư thừa trở lại với nông thôn. Một lực lượng lao động trẻ mỗi năm bổ sung vào lực lượng lao động xã hội ở An Giang hàng ngàn người, cùng với 113.886 người trong độ tuổi luôn luôn đòi hỏi việc làm. Giải quyết việc làm cho người lao động không chỉ làm tăng môi trường sản xuất hàng hóa mà còn tăng cường sự ổn định chính trị và giữ vững được an ninh quốc phòng.

Việc xuất hiện hàng trăm hội nghề ở các huyện, thành phố đã kích thích ngành nghề phát triển mạnh hơn, thu hút ngày càng nhiều lao động chưa có việc làm. Sự phát triển của các hội nghề cho thấy trình độ chuyên môn hóa của người lao động và đòi hỏi sự xuất hiện các hình thức kinh tế mới phù hợp với lực lượng sản xuất đó. Ở An Giang, làm thuê cũng được xem là một nghề. Điều đó cho thấy khả năng tích tụ ruộng đất ở nông thôn An Giang có thể thực hiện được.

Động lực kinh tế do hộ nông dân tự chủ mang lại đã làm cho nông nghiệp An Giang phát triển theo chiều rộng. Muốn giàu có, nông nghiệp An Giang tiếp tục phải phát triển theo chiều sâu. Trong điều kiện đó, hình thức kinh tế hộ gia đình tự chủ sẽ bộc lộ những hạn chế. Vì vậy, nên chăng nhà nước và lãnh đạo An Giang cần có chính sách kinh tế khuyến khích cho hai loại hộ cơ bản ở nông thôn xuất hiện trên cơ sở những hộ làm ăn giỏi. Loại hộ thứ nhất, chuyên nông nghiệp có trình độ tổ chức, quản lý, chỉ huy sản xuất, biết khai thông thị trường, có vốn, tích tụ được ruộng đất, thu hút được lao động, bắt phá ra hình thành những nông trại vừa và nhỏ. Loại hộ thứ hai, chuyên sản xuất tiểu thủ công nghiệp, biết tổ chức, quản lý, mở rộng giao lưu thị trường, dựng được xí nghiệp hình thành những hộ tiểu chủ.

Nếu hai loại hộ cơ bản này xuất hiện được, thì sức

sản xuất của xã hội được giải phóng mạnh mẽ. Tài nguyên, đất đai được sử dụng có kế hoạch, tối ưu. Ở nhiều nơi, qua điều tra cho thấy trên cùng một thửa ruộng, có điều kiện tự nhiên như nhau, những hộ làm ăn giỏi có năng suất gấp ba lần những hộ làm ăn kém. Vấn đề tối ưu trong sản xuất, tiết kiệm trong sử dụng tài nguyên đã đến lúc phải được đặt ra.

Phương án có thể khắc phục sự lãng phí trong sử dụng tài nguyên và nhân lực cũng như tận dụng lợi thế trong cạnh tranh hiện nay, phải chăng đang còn tiềm ẩn trong hai loại hộ cơ bản này ở nông thôn?

3. Những giải pháp giải quyết việc làm và phân hóa giàu nghèo

a. Đối với lực lượng sản xuất

Sau nghị quyết 10, An Giang có chủ trương giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định và lâu dài cho nông dân. Đến nay đã cấp giấy chứng nhận đạt 86% diện tích đất nông nghiệp, đã lập hồ sơ địa chính được 98.000 hộ.

Như vậy, vấn đề cơ bản về tư liệu sản xuất của nông dân đã được khẳng định. Vì vậy, họ yên tâm đầu tư sản xuất, điều hành quá trình sản xuất nhằm mục tiêu năng suất và lợi nhuận cao.

b. Đối với vốn sản xuất

Nông dân An Giang thiếu vốn trầm trọng để sản xuất. Tỉnh đã có chủ trương tập trung giải quyết cho nông dân vay, với lãi suất 2,1 và 2,8%. Số tiền vay tăng rất nhanh. Theo thống kê: năm 1991 nông dân vay 55.075 triệu đồng, năm 1992: 90.849 triệu đồng, năm 1993: 133.552 triệu đồng và năm 1994: hơn 200 tỷ đồng.

Với nguồn vốn đó nông dân tiến hành sản xuất thuận lợi, tránh phải đi vay nặng lãi (lãi suất cho vay ở thị trường đen là 20-30%). Vì vậy ở An Giang gần như không có tình trạng nông dân phải bán lúa non. Đó là giải pháp quan trọng tránh cho nông dân khỏi nghèo đói, chống sự phân hóa.

c. Công tác khuyến nông

Nông dân cần được trang bị hai loại kiến thức cơ bản: kiến thức kinh tế-kỹ thuật cho biết trên mảnh đất họ trồng cây gì, nuôi con gì, và nuôi trồng như thế nào để đạt năng suất, sản lượng cao. Kiến thức kinh tế-xã hội lại cho họ biết thị trường đang cần con gì, cây gì và ở đâu. Đầu vào và đầu ra cần giải quyết như thế nào. Nếu như kiến thức kinh tế-kỹ thuật và kinh tế-xã hội cộng hưởng, hội tụ thành tri thức của nông dân thì họ có khả năng đạt được tối ưu trong sản xuất.

Cả hai loại kiến thức trên ở An Giang được giải quyết qua công tác khuyến nông, với các hình thức phong phú và linh hoạt, kết hợp với các đoàn thể, tổ chức nhiều hội thảo, tập huấn... dần dần nâng cao trình độ cho nông dân.

Nhờ có công tác khuyến nông tốt nên đã tạo ra được môi trường tiếp nhận các dự án, các chương trình cụ thể. Mỗi năm ở An Giang có hàng chục chương trình cụ thể giải quyết có kết quả rất đáng chú ý. Những chương trình trên đã thu hút hàng vạn người lao động, tăng thu nhập cho nông dân, được nông dân triet để ủng hộ.

d. Đa dạng hóa ngành nghề, tạo nhiều việc làm

Giải quyết vấn đề phân hóa giàu nghèo tích cực tức là tìm được nhiều việc làm để tăng thu nhập cho nông dân.

An Giang đã có 253 cơ sở sản xuất mới, thu hút 986 lao động, vốn đầu tư khoảng 3322,8 triệu đồng. Ước tính cả năm 1994 có 380 cơ sở sản xuất mới thu hút 1500 lao động với số vốn 5 tỷ đồng. Nhờ sự cố gắng này nên vốn trong nhân dân chủ yếu tập trung vào sản xuất. Ngành nghề mới tiếp tục phát triển, ngành nghề cũ tăng đều, ví dụ vật liệu xây dựng tăng 36,3%, hóa chất: 21%, chế biến thực phẩm 19%, đặc biệt dệt tăng 95,5%.

Do đâu mà ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở An Giang phát triển tốt? Khảo sát thực tế nông nghiệp, nông thôn An Giang, chúng tôi thấy:

Một là, cơ sở hạ tầng được chú ý phát triển. Năm

1994, ở An Giang có 110/137 xã có điện lưới quốc gia. 100% xã có điện thoại. Hệ thống đường giao thông phát triển, hiện xe ô tô có thể đi tới 100% các xã trong tỉnh.

Hai là, phát triển được hệ thống chợ nông thôn. Hiện ở An Giang có 223 chợ, trong tổng số 137 xã. Nhiều xã có đến 3 chợ.

Ba là, có những chính sách gián tiếp kích thích sự phát triển tiểu thủ công nghiệp, như chính sách tín dụng, cho vay và đặc biệt chính sách thuế chú ý miễn giảm những cơ sở sản xuất mới thành lập.

e. Phát triển công nghiệp chế biến

Tỉnh đã xác định từ nay đến năm 2000, công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết phục vụ nông nghiệp. Bởi vì:

Thứ nhất, An Giang là tỉnh có truyền thống sản xuất hàng hóa nông nghiệp. An Giang không có tài nguyên gì đặc biệt. So với nhiều tỉnh phía Bắc và Tây Nguyên An Giang không có lợi thế về công nghiệp, ngược lại nếu phát triển nông nghiệp hàng hóa thì nhiều tỉnh trong nước ta khó bằng An Giang.

Thứ hai, muốn giàu, An Giang phải phát triển nông nghiệp theo chiều sâu tức là muốn triet để tận dụng giá trị mà sản phẩm nông nghiệp mang lại thì phải phát triển công nghiệp chế biến.

Chính công nghiệp chế biến phát triển đã cho phép tận thu giá trị trong mỗi sản phẩm hàng hóa. Người tiêu dùng là tiêu dùng sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất, chế biến nông nghiệp.

Thứ ba, lương thực càng ngày càng khẳng định hơn vai trò quan trọng của nó.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, tất cả các nhà đầu tư đều được hưởng lợi nhuận bình quân, kết quả của cuộc cạnh tranh gay gắt trong kinh tế thị trường. Điều đó có nghĩa là đầu tư vào nông nghiệp hay công nghiệp đều mang lại lợi nhuận như nhau.

Ở nước ta, trong môi trường kinh tế thị trường, sự cạnh tranh hàng hóa đang ngày càng gay gắt. Nhiều tỉnh đang đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, chắc chắn nông nghiệp đến lúc nắm giữ vai trò đặc biệt quan trọng của mình trong thực tế.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để nông nghiệp tăng năng suất lao động thực sự, hiện nay chủ yếu vẫn là năng suất sinh học. Muốn vậy, cần đầu tư thêm KHKT, tìm giống mới cho năng suất cao, đặc biệt là giá trị cao.

Nếu như nông nghiệp An Giang bị giới hạn bởi diện tích tự nhiên (vòng quay của đất chỉ 2,5 lần là hết tối ưu, hiện nay đã 1,89), giới hạn về năng suất, cây trồng vật nuôi thì ngược lại công nghiệp chế biến không bị giới hạn về địa lý, nguyên liệu và thị trường. Nó sẽ đi từ vị trí phục vụ nông nghiệp mà phát triển lên, dần tới thay đổi cơ cấu. Do phát triển công nghiệp chế biến mà dịch vụ công nghiệp cũng phát triển theo. Nguyên liệu và thị trường có thể thu hút cả vùng ĐBSCL rộng lớn, không loại trừ thị trường quốc tế.

Khai thác khoảng chênh lệch từ nông nghiệp chiều rộng sang nông nghiệp chiều sâu, hay từ nông nghiệp lạc hậu lên nông nghiệp kỹ nghệ hóa là cả một sự phát triển to lớn của công nghiệp phục vụ nông nghiệp (công nghiệp chế biến). Công nghiệp chế biến phát triển không chỉ làm giá trị hàng hóa tăng mà điều đặc biệt có ý nghĩa ở nước ta trong thời gian dài là giải quyết lao động dư thừa nhờ việc làm được mở rộng.

Như vậy, hướng tập trung chủ yếu để phát triển nông nghiệp trong tương lai là nâng cao trình độ nông nghiệp về chất. Hỗ trợ nông nghiệp tiến tới kỹ nghệ hóa chính là công nghiệp chế biến. Theo hướng này, nông nghiệp An Giang phát triển thuận lợi trùng với điểm mạnh hiện tại, phát huy năng lực trong tương lai.

Ghi chú: Những số liệu sử dụng trong bài viết đều lấy từ Niên giám thống kê tỉnh An Giang, 1993.